

Bản án số: 137/2018/HS-PT
Ngày 21 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 598/2017/TL- HSPT ngày 03/11/2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2018/QĐXXPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018;

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu H, sinh năm 1992, tại huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện tại: Ấp 5, xã L1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị M; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 02-7-2016 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986, tại huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện tại: Ấp 8, xã L2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Phan Thị M1; Vợ tên: Nguyễn Thị Cẩm T2; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 08-7-2016 cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H:* Ông Thạch D, luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T:* Bà Bùi Thị T3, luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

(Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên trong vụ án gồm 19 người bị hại, và bị cáo Trần Minh T4 không kháng cáo Tòa án không triệu tập đến phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thanh T cấu kết với nhau lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các tiệm cầm đồ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, với hình thức H, T lên Thành phố Hồ Chí Minh gặp T5, H2 (T5 có tên gọi khác là T6, không rõ lai lịch) mua xe không rõ nguồn gốc. T5, H2 yêu cầu H đưa ảnh cho T5, H2 làm giả 02 giấy chứng minh nhân dân phù hợp với giấy chứng nhận xe mô tô mang tên Đào Xuân T7, sinh năm 1988, thường trú ấp Vĩnh Đông II, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang và Lê Đức T8 – Sinh năm 1989, thường trú ấp V1, xã V2, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Xe H, T mua chủ yếu là xe Airblade, SH Mode, Exciter. H, T thỏa thuận với T5, H2 khi nào có xe, T5, H2 điện thoại cho H, T giao dịch mua xe tại ngã tư An Sương, ngã tư Bà Điểm; nguồn tiền dùng để mua xe là tiền của T, T trả tiền mặt cho T5, H2. Sau đó H, T chạy xe về địa bàn tỉnh Kiên Giang cầm, ngoài ra T gửi xe từ Thành phố Hồ Chí Minh về Vĩnh Long nhờ Trần Minh T4 chạy đến tỉnh Kiên Giang (03 lần/03 xe), H trực tiếp mang đi cầm ở các tiệm cầm đồ thuộc địa bàn các huyện A1, A2, C và thành phố R, tỉnh Kiên Giang để lấy tiền. Giá tiền cầm Air Blade từ 18.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, SH Mode từ 37.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, Exciter từ 22.000.000 đồng đến 33.000.000 đồng. Sau khi trừ chi phí mua xe, đi đường, ăn uống, trả tiền công cho T4 (01 lần chạy xe là 500.000 đồng), H, T chia đôi để chi xài cá nhân.

H, T đã thực hiện tổng cộng 19 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 19 bị hại là các chủ tiệm cầm đồ. Trần Minh T4 giúp sức cho T chạy xe từ Vĩnh Long về Kiên Giang 03 xe, loại xe Airblade. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 01: Ngày 03-3-2016, H cầm 01 xe mô tô hiệu Air Blade màu đỏ đen, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68F1 - 041.09 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Đức T8, sinh năm 1989, thường trú ấp V1, xã V2, huyện G,

Kiên Giang cho tiệm cầm đồ "TN" tại số 54 Cách mạng tháng tám, phường V1, thành phố R, tỉnh Kiên Giang của anh Ngô Thanh H3 với số tiền 23.000.000 đồng. Sau đó anh H3 nghe thông tin có người chuyên cầm xe giấy tờ giả nên anh H3 trình báo cơ quan điều tra và giao nộp xe.

Qua giám định xe mô tô BKS 68F1 - 041.09 có số khung RLHIF4600DY-375587; số máy JF46E-4292005 xác định chủ sở hữu là anh Ngô Thanh B1, sinh năm 1992, thường trú: số 344 khu phố Xa Cam 2, phường C1, thị xã C2, tỉnh Bình Phước. Ngày 13-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho anh B1.

Vụ thứ 02: Ngày 04-3-2016 H cầm 01 xe mô tô hiệu Air Blade màu đen cam, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 097.38 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7, sinh năm 1988, thường trú ấp Vĩnh Đông II, thị trấn V, huyện V, Kiên Giang cho tiệm cầm đồ "TB" tại số 973 Nguyễn Trung Trực, phường A7, thành phố R cầm cho anh Lê Thanh T9 với số tiền 25.000.000 đồng. Sau 01 thời gian không thấy H đến chuộc xe nên anh T9 mang xe ra kiểm tra và nghi ngờ là xe sử dụng giấy tờ giả nên giao nộp cơ quan điều tra.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1 - 097.38 có số khung 100DY-128458; số máy JF46E-0158322 xác định chủ sở hữu là anh Lại Nguyễn Bách K, sinh năm 1995, thường trú 367 khu phố 2, phường C7, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho anh K.

Vụ thứ 03: Ngày 04-3-2016, H cầm 01 xe mô tô hiệu SH Mode, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 097.06 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 đến tiệm cầm đồ "Tuyệt Nhung" tại số 1168 Nguyễn Trung Trực, phường A7, thành phố R cầm cho anh Dương Tấn K1 với số tiền 37.000.000 đồng. Quá hạn không thấy H đến chuộc xe nên anh T9 mang xe ra kiểm tra và nghi ngờ là xe sử dụng giấy tờ giả nên giao nộp cơ quan điều tra.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1 - 097.06 có số khung 100DY-048277; số máy F51E-0048319 xác định chủ sở hữu là chị Phạm Thị Kim D1, sinh năm 1966, thường trú: 10C1 phường Thạnh Lộc, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 05-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho chị D1.

Vụ thứ 04: Ngày 06-3-2016 H cầm mua 01 xe mô tô hiệu Exciter, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 098.16 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 đến tiệm cầm đồ "Kim Anh" tại số 222 Cách Mạng Tháng 8, phường V1, thành phố R thì H cầm cho anh Ngô Chiến T10 với số tiền

22.000.000 đồng. Quá hạn không thấy H đến chuộc xe nên anh T10 mang xe ra kiểm tra và nghi ngờ là xe sử dụng giấy tờ giả nên giao nộp Cơ quan điều tra. Hiện chưa xác định được chủ sở hữu xe .

Vụ thứ 05: Ngày 06-3-2016 H cầm 01 xe mô tô hiệu Air Blade, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 097.35 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ "Thanh P" tại số 939 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường A7, thành phố R của anh Tô Thanh P với số tiền 23.000.000 đồng. Đến hạn H không đến chuộc xe nên anh P nhờ người chạy xe đi bán thì bị Cảnh sát giao thông bắt, tạm giữ xe. Hiện xe này chưa xác định chủ sở hữu.

Vụ thứ 06: Ngày 09-3-2016 H cầm 01 xe mô tô hiệu Air Blade, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 097.19 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ "Thúy N" tại số 162 Lâm Quang Ky, phường Vĩnh Lạc, thành phố R cầm chị Phan Thúy N giá tiền là 25.000.000 đồng. Quá hạn không thấy H đến chuộc xe nên chị N mang xe ra kiểm tra và nghi ngờ là xe sử dụng giấy tờ giả nên giao nộp Cơ quan điều tra.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1 - 097.19 có số khung RLHJ4610EZ-013652; số máy ZF46E-6013678 xác định chủ sở hữu là anh Trần Quốc F, sinh năm 1986, thường trú ấp G1, xã G2, huyện G3, tỉnh Cà Mau. Ngày 13-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho anh F.

Vụ thứ 07: Ngày 10-3-2016 H cầm 01 xe mô tô hiệu Air Blade, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68F1 - 050.10 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Đức T8 cho tiệm cầm đồ "Quang Huy" tại số 170 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố R của anh Nguyễn Minh T11 với số tiền 18.000.000 đồng. Quá hạn không thấy H đến chuộc xe nên anh T11 mang xe ra kiểm tra và nghi ngờ là xe sử dụng giấy tờ giả nên giao nộp Cơ quan điều tra.

Qua giám định xe mô tô BKS 68F1 - 050.10 có số khung 1804AY-479006; số máy 27E-0496486 xác định chủ sở hữu là anh Huỳnh Trung Ch, sinh năm 1983, thường trú ấp Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 13/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho anh Ch.

Vụ thứ 08: Ngày 13-3-2016, H cầm 01 xe Air Blade màu xám đen, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 097.35, giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ "Tuấn Giàu" của anh Hoàng Anh T12, sinh năm 1975, thường trú số 204 Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố R, Kiên Giang với số tiền 25.000.000 đồng. Đến hạn H không chuộc xe và đóng

lãi nên T12 đem xe đi bán thì phát hiện xe sử dụng giấy tờ giả nên trình báo Cơ quan điều tra và giao nộp xe.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1 - 097.35 có số khung 404406; số máy 5104450 xác định chủ sở hữu là anh Huỳnh Nam K3, sinh năm 1977, thường trú số 43 đường 18 khu phố 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17-11-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho anh K3.

Vụ thứ 09: Ngày 14-3-2016 H cầm 01 xe mô tô hiệu Air Blade, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 098.02 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ "Thanh Đại 2" tại số 175 Nguyễn Bình Khiêm, khu phố Đông Hồ, phường Vĩnh Thanh, thành phố R, tỉnh Kiên Giang của anh Trần Thanh S với số tiền 25.000.000 đồng. Quá hạn không thấy H đến chuộc xe nên anh S mang xe ra kiểm tra và nghi ngờ là xe sử dụng giấy tờ giả nên giao nộp Cơ quan điều tra.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1 - 098.02 có số khung 206662; số máy 4013870 xác định chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1981, thường trú Thôn Q1, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Thái Bình. Ngày 13-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho anh P1.

Vụ thứ 10: Ngày 16-3-2016, H cầm 01 xe mô tô hiệu Air Blade, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 097.26 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ "Ty" tại số 67 Bạch Đằng, khu phố 2, phường Vĩnh Thanh, thành phố R, tỉnh Kiên Giang của anh Nguyễn Trọng T13 với số tiền 25.000.000 đồng. Quá hạn không thấy H đến chuộc xe nên anh T13 mang xe ra kiểm tra và nghi ngờ là xe sử dụng giấy tờ giả nên giao nộp Cơ quan điều tra.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1 - 097.26 có số khung 4602DY-568338; số máy JF46E-4157106 xác định chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1995, thường trú số 37 đường số 3, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho chị V.

Vụ thứ 11: Ngày 16-3-2016, H cầm 01 xe SH Mode trắng, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 130.01, giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ "Văn Dường" của chị Võ Thị Thùy T14, sinh năm 1989, thường trú khu phố 3, thị trấn Thứ 3, huyện A1, Kiên Giang, với giá tiền 40.000.000 đồng. Sau đó chị T14 nghe thông tin có người chuyên cầm xe giấy tờ giả nên chị T14 trình báo Cơ quan điều tra và giao nộp xe.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1 - 130.01 có số khung 5123FY114925; số máy JF51E0329087 xác định chủ sở hữu là chị Trần Thị Thanh H4, sinh năm 1979, thường trú ấp Thanh Tây, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre. Ngày 13-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho chị H4.

Vụ thứ 12: Ngày 19-3-2016, H cầm 01 xe mô tô hiệu Exciter 135, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1- 098.12 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ “Hoàng Hải” của anh Trần Hoàng H5, sinh năm 1989, thường trú ấp Q5, xã Q6, huyện A1, Kiên Giang với số tiền 23.000.000 đồng. Sau đó anh H5 nghe thông tin có người chuyên cầm xe giấy tờ giả nên anh H5 trình báo Cơ quan điều tra và giao nộp xe. Xe chưa xác định được chủ sở hữu.

Vụ thứ 13: Ngày 24-3-2016, H cầm 01 xe mô tô hiệu Exciter 150, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 025.38 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ “Huỳnh O” của ông Huỳnh Văn O, sinh năm 1969, thường trú ấp Xẻo Rô, xã Q6, huyện A1, Kiên Giang với số tiền 33.000.000 đồng. Đến hạn H không chuộc xe và đóng lãi ông O nghi ngờ xe sử dụng giấy tờ giả nên trình báo Cơ quan điều tra và giao nộp xe.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1- 025.38 có số khung 0610FY-102300; số máy G3D4E-114327 xác định chủ sở hữu là anh Võ Văn V1, sinh năm 1990, thường trú ấp Cơ Quan, xã Phú Lợi, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Ngày 13-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho anh V1.

Vụ thứ 14: Ngày 24-3-2016 H cầm 01 xe mô tô hiệu Air Blade màu cam đen, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 098.09 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ “Cỏ” của chị Huỳnh Hồng T15, sinh năm 1979, thường trú khu phố 2, thị trấn Thứ 11, huyện A2, tỉnh Kiên Giang với số tiền là 25.000.000 đồng. Đến hạn H không đến chuộc xe nên chị T15 đến Công an huyện V xin rút hồ sơ để bán cho người khác thì bị Công an huyện V tạm giữ vì xe sử dụng giấy tờ giả.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1 - 098.09 có số khung 616EY-343463; số máy P46E-5044167 xác định chủ sở hữu là anh Trần Minh H6, sinh năm 1988, thường trú: B13-04 chung cư 1050 Phan Chu Trinh, phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 02-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho anh H6.

Vụ thứ 15: Ngày 26-3-2016 H cầm 01 xe mô tô hiệu Exciter, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 102.16 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ “Nguyễn H7” của anh Nguyễn Văn H7 tại ấp Phước Hòa, xã Mong Thọ B, huyện C với số tiền 32.000.000 đồng. Ngày 21/4/2016 đoàn kiểm tra của Công an huyện C kiểm tra cơ sở kinh doanh của ông H7, nghi ngờ xe trên sử dụng giấy tờ giả nên tạm giữ xe.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1-102.16 có số khung 0610FY-161708; số máy G3D4E-174615 xác định chủ sở hữu là anh Huỳnh Châu T16, sinh năm: 1993, thường trú: ấp Chà Rào, xã Thanh B1, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Ngày 13-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho anh T16.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Kiên Giang còn thu giữ của ông Nguyễn Văn H7 02 xe mô tô gồm: 01 xe SH MODE biển số 68F1 – 042.06 số khung: RLHJF510DY105927, số máy: JF51E – 0105976 mang tên Lê Đức T8 và 01 xe AIRBLADE biển số 68N1 – 097.18 số khung: RLHJF4615EY606087, số máy: JF46E – 2019835 mang tên Đào Xuân T7. Hiện nay Công an huyện C đã giao 02 xe trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và Công an Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh vì đây là tang vật trong vụ án do các cơ quan này đang thụ lý.

Vụ thứ 16: Ngày 29-3-2016, H cầm 01 xe mô tô hiệu Air Blade, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 098.06 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ "Huy Nhung" của anh Nguyễn Lê H8 tại số 247 Mai Thị Hồng Hạnh, phường V1, thành phố R của anh Nguyễn Lê H8 với số tiền 25.000.000 đồng. Quá hạn, H không chuộc xe nên anh H8 đã bán cho người khác, giá 28.000.000 đồng, hiện tại H8 không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 17: Ngày 29/3/2016 H 01 xe mô tô hiệu Exciter 135, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 097.39 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ “H9” của anh Trần Khắc H9, sinh năm 1971, thường trú khu phố 1, thị trấn Thứ 3, huyện A1, Kiên Giang với số tiền 25.000.000 đồng. Sau đó anh H9 nghe thông tin có người chuyên cầm xe giấy tờ giả nên anh H9 trình báo Cơ quan điều tra và giao nộp xe.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1 - 097.39 có số khung 5P10DY-31721; số máy 55P-1319746 xác định chủ sở hữu là anh Thượng Tấn V2, sinh năm 1991, thường trú khu phố 9, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Ngày 19-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho anh V2.

Vụ thứ 18: Ngày 08-4-2016 H cầm 01 xe mô tô hiệu Exciter, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 103.39 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7, sinh năm 1988, thường trú ấp Vĩnh Đông II, thị trấn V, huyện V, Kiên Giang cho tiệm cầm đồ “F” của anh Lê Đình Thanh F tại số 61 ấp Sua Đũa, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện C với số tiền 22.000.000 đồng. Sau khi nghe thông tin Đào Xuân T7 chuyên cầm xe giấy tờ giả nên F nhờ người đem bán xe, sau đó bị Công an phát hiện mời F lên làm việc và tạm giữ xe. F đã trả tiền lại cho người mua.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1 - 103.39 có số khung 111630; số máy 111650 xác định chủ sở hữu là anh Nguyễn Khắc P2 - sinh năm 1992, thường trú Thôn Z1, xã Z2, huyện Z3, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 13-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho anh P2.

Vụ thứ 19: Vào khoảng tháng 5/2016, H cầm 01 xe mô tô hiệu SH Mode màu đen, giấy chứng nhận xe mô tô BKS 68N1 - 103.23 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Xuân T7 cho tiệm cầm đồ "Kim Tiến" tại số 765 Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố R, tỉnh Kiên Giang của anh Trần Quốc M2 với số tiền 35.000.000 đồng. Đến hạn H không đóng lãi và chuộc xe nên anh M2 mang xe đến tiệm bán xe “Kim Tiến” ở thị trấn Minh Lương, huyện C cất giữ thì bị Công an huyện C kiểm tra phát hiện xe sử dụng giấy tờ giả nên anh M2 giao nộp xe.

Qua giám định xe mô tô BKS 68N1 - 103.23 có số khung 5100DY-002613; số máy JF51E-0002663 xác định chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Phương T16, sinh năm 1985, thường trú: 77/11 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Ngày 13-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã trả xe mô tô trên cho chị T16.

Như vậy, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thanh T đã chiếm đoạt tài sản của 19 bị hại số tiền là 508.000.000 đồng, T4 giúp sức cho T chạy 03 xe mô tô hiệu Air Blade từ Vĩnh Long xuống Kiên Giang để H mang đi cầm số tiền 18 triệu/01 chiếc x 03 chiếc = 54.000.000 đồng, T4 thu lợi bất chính số tiền 500.000 x 3 lần = 1.500.000 đồng.

Về các vấn đề khác:

* Vật chứng vụ án:

1. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Air Blade có gắn BKS 68N1-097.35, số máy JF46E-0076472, số khung 606DY-073320;

2. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; loại Exciter 135, có gắn BKS 68N1-098.12, số máy 55P1154876, số khung 10EY-354906;

3. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter có gắn BKS 68N1-098.16, số máy 55P1-077606, số khung RLCE55P10C-077603;

4. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter có gắn BKS 64F1-264.09 (xe của bị can Nguyễn Hữu H);

5. 16 (Mười sáu) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 103.23; BKS 68N1- 103.39; BKS 68N1- 102.16; BKS 68N1- 097.18; BKS 68N1- 098.16; BKS 68N1- 098.02; BKS 68N1- 097.38; BKS 68N1- 097.26; BKS 68N1- 097.19; BKS 68N1- 097.06; BKS 68N1- 098.09; BKS 68N1- 125.38; BKS 68N1- 098.12; BKS 68N1- 097.39; BKS 68N1- 130.01; BKS 68N1-097.35.

6. 03 (ba) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Đức T8 BKS 68F1- 050.10; BKS 68F1- 041.09; BKS 68F1- 042.06.

7. 01 (một) giấy CMND tên Nguyễn Hữu H;

8. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Hữu H BKS 64E1- 264.09;

9. 01 (một) giấy CMND tên Nguyễn Việt Hòa;

10. 01 (một) điện thoại hiệu Samsung màu hồng nhạt;

11. 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel màu trắng;

12. 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu trắng.

13. 16 (mười sáu) BKS xe mô tô 68N1- 097.06; 68N1- 097.19; 68N1- 097.26; 68N1- 097.38; 68N1- 098.02; 68F1- 041.09; 68F1- 050.10; 68N1- 125.38; 68N1-130.01; 68N1-097.39; 68N1-098.09; 68N1- 103.23; 68N1- 103.39; 68N1- 102.16; 68N1- 097.18; 68F1- 042.06.

14. 01 (một) giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 29/12/2016, số tiền thu giữ của bị can Nguyễn Hữu H là 38.900.000 đồng.

* Tại bản kết luận giám định số: 337 ngày 21/6/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

1. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Đức T8 BKS 68F1- 042.06;

2. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 098.16;

3. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 098.02;

4. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 097.38;

5. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 097.26;

6. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 097.19;

7. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 097.06;

8. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Đức T8 BKS 68F1- 050.10;

9. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Đức T8 BKS 68F1- 041.09.

Kết luận: giấy chứng nhận 09 xe mô tô trên là giả.

* Tại bản kết luận giám định số: 340 ngày 13/7/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

1. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 125.38;

2. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 098.12;

3. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 097.39;

4. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 130.01.

Kết luận: giấy chứng nhận 04 xe mô tô trên là giả.

* Tại bản kết luận giám định số: 487 ngày 19/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

1. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 103.23;

2. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 103.39;

3. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 102.16;

4. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Xuân T7 BKS 68N1- 097.18;

5. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Đức T8 BKS 68F1- 042.06.

Kết luận: giấy chứng nhận 05 xe mô tô trên là giả.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Minh T4 đã nộp khoản tiền thu lợi bất chính tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang số tiền 1.500.000 đồng; bị cáo Nguyễn Hữu H nộp khắc phục hậu quả cho các bị hại số tiền là 40.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 và Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu H 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là: 12 năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-7-2016.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 và Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là: 15 năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-7-2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bị cáo Trần Minh T4, xử lý vật chứng, bồi thường dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xử sơ thẩm, trong thời hạn kháng cáo, các bị cáo Nguyễn Hữu H và Nguyễn Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo trình bày bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người đúng tội không oan sai. Tuy nhiên, mức hình phạt là nặng nên các bị cáo kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình tại cấp phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xét xử vụ án cho rằng, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hữu H 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là: 12 năm tù. Bị cáo Nguyễn Thanh T 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là: 15 năm tù. Theo Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội. Xét hành vi của các bị cáo gây ra cho người bị hại là nguy hiểm, mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh bị cáo bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Nhưng luật sư Thạch D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” để tuyên bị cáo không phạm tội này bởi đây là thủ đoạn của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngoài ra luật sư bào chữa cho bị cáo H đề nghị Tòa xem xét bị cáo không thực hiện vụ thứ 8 và vụ thứ 5. Từ đó xác định bị cáo chiếm đoạt tài sản dưới 500 triệu đồng thuộc khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên luật sư đề nghị tuyên các bị cáo không phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” để giảm hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tranh luận: bị cáo không chiếm đoạt được tài sản vụ thứ 8 là bị bắt quả tang nhưng hành vi đã hoàn thành do vậy không có cơ sở chấp nhận lời bào chữa của luật sư về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” là cấu thành độc lập, các bị cáo bị xét xử là đúng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, của Luật sư, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong khoảng thời gian từ ngày 03-3-2016 đến tháng 5-2016, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thanh T cấu kết với nhau mua xe không rõ nguồn gốc ở Thành phố Hồ Chí Minh của T5, H2 (không rõ địa chỉ), với hình thức H đưa ảnh cho

T5, H2 để làm giả giấy chứng minh nhân dân cho phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mà T5 và H2 bán cùng với xe mang tên Đào Xuân T7 và Lê Đức T8 đều có hộ khẩu thường trú ở tỉnh Kiên Giang. Sau đó H, T chạy xe về địa bàn tỉnh Kiên Giang cầm ở 19 tiệm cầm đồ thuộc các huyện A1, A2, C và thành phố R, tỉnh Kiên Giang để lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Trần Minh T4 tham gia chạy 03 xe Airblade từ tỉnh Vĩnh Long xuống tỉnh Kiên Giang để T, H đem đi cầm, T trả tiền công cho tới 500.000 đồng/chuyến, giá cầm AirBlade giao động từ 18 triệu đến 25 triệu đồng. Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thanh T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 19 bị hại, với tổng số tiền là 508.000.000 đồng.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bằng thủ đoạn gian dối các bị cáo H, T đã tinh vi, xảo quyệt đưa ra giấy chứng minh nhân dân, giấy tờ xe giả để hợp lệ với chiếc xe đem cầm cho những người bị hại là chủ tiệm cầm đồ với số tiền tổng cộng 508.000.000 đồng. Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hữu H 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là: 12 năm tù. Bị cáo Nguyễn Thanh T 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là: 15 năm tù. Theo Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt đã tuyên là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình chứng cứ nào mới về tình tiết giảm nhẹ để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Từ phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cũng như phần bào chữa của các luật sư tại tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo phải chịu theo qui định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu H và Nguyễn Thanh T về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”;

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 và Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu H** 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là: 12 năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-7-2016.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 và Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh T** 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là: 15 năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-7-2016.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Hữu H và Nguyễn Thanh T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hữu H và Nguyễn Thanh T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Bình

Trần Thị Hòa Hiệp

Phạm Thị Duyên